

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN TRUNG

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	9 - 33

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Trung (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Hồ Huy	Chủ tịch
Ông Võ Thành Nhân	Phó Chủ tịch
Ông Hồ Việt	Ủy viên
Ông Hồ Chương	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2015)
Ông Mai Hà Thanh Hùng	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2015)
Ông Mai Hoàng Sơn	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2015)
Ông Lê Nguyễn Anh Tuấn	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2015)
Ông Trương Tài	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2015)
Ông Trần Quốc Duy	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2015)

Ban Kiểm soát

Bà Trần Thị Bích Thủy	Trưởng ban
Ông Huỳnh Kim Ngọc	Thành viên
Bà Vũ Thị Thanh Mai	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2015)
Ông Tiêu Văn Hòa	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2015)
Ông Vũ Thanh Hải	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2015)
Ông Mai Quý Trung	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2015)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Võ Thành Nhân	Tổng Giám đốc
Ông Hồ Văn Mỹ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trương Tài	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hồ Văn Dũng	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2016)
Ông Trần Quốc Duy	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2016)
Ông Đoàn Triệu Chu Luân	Kế toán trưởng

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

Võ Thành Nhân
Tổng Giám đốc
Ngày 28 tháng 3 năm 2016

Số: 458 /VNIA-HC-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Trung

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Trung (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 28 tháng 3 năm 2016, từ trang 5 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như trình bày tại Thuyết minh số 17 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác của Công ty bao gồm khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Mai Linh Nam Trung bộ và Tây Nguyên (“MSH”), khoản đầu tư này được hạch toán theo phương pháp giá gốc với giá trị khoản đầu tư và dự phòng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 lần lượt là 17.453.937.000 đồng và 7.106.421.272 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: lần lượt là 32.850.000.000 đồng và 8.868.054.946 đồng). Hàng năm Công ty tính và lập dự phòng cho khoản đầu tư này dựa theo giá trị tài sản thuần của MSH. Tuy nhiên, giá trị tài sản thuần của MSH chưa bao gồm khoản ước tính dự phòng giảm giá của khoản đầu tư với tổng giá trị là 82.500.000.000 đồng mà MSH đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phú Mỹ (“BOT Phú Mỹ”). Việc không ghi nhận khoản chi phí dự phòng ước tính cho khoản đầu tư tại BOT Phú Mỹ nói ở trên vào giá trị tài sản thuần của MSH xuất phát từ quyết định của Ban Tổng Giám đốc của Công ty ở niên độ trước và đã dẫn đến việc chúng tôi phải đưa ra ý kiến ngoại trừ đối với báo cáo tài chính của niên độ đó. Tại thời điểm phát hành báo cáo này, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ thông tin tài chính liên quan đến dự phòng (nếu có) đối với khoản đầu tư này tại ngày 31 tháng 12 năm 2015. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng, nếu có, của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Võ Thái Hòa

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 0138-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2016

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

A blue ink signature of Nguyễn Minh Thao, consisting of a stylized, cursive script.

Nguyễn Minh Thao

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 1902-2013-001-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		65.867.708.892	41.102.417.150
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		5.764.631.916	2.010.197.613
1. Tiền	111	5	5.764.631.916	2.010.197.613
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		53.435.307.846	36.129.155.586
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	2.919.343.005	2.774.686.359
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		-	34.433.900
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7	2.354.970.711	2.454.970.711
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	51.403.050.782	33.055.267.826
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(3.242.056.652)	(2.190.203.210)
III. Hàng tồn kho	140		1.026.111.613	639.647.356
1. Hàng tồn kho	141	10	1.026.111.613	639.647.356
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.641.657.517	2.323.416.595
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	2.506.080.471	1.646.821.292
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		13.708.927	13.708.928
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	12	3.121.868.119	662.886.375
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		280.087.201.307	224.388.968.673
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.363.032.771	-
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215		1.363.032.771	-
II. Tài sản cố định	220		185.637.954.699	133.188.249.760
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	167.319.408.699	114.869.703.760
- Nguyên giá	222		232.117.489.699	192.509.086.459
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(64.798.081.000)	(77.639.382.699)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	18.318.546.000	18.318.546.000
- Nguyên giá	228		18.318.546.000	18.318.546.000
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250		92.817.237.949	91.113.075.960
1. Đầu tư vào công ty con	251	15	90.320.000.000	67.320.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	16	18.133.937.000	32.850.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	17	(15.636.699.051)	(9.056.924.040)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		268.975.888	87.642.953
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	268.975.888	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	87.642.953
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		345.954.910.199	265.491.385.823

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 33 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		246.065.602.408	169.138.898.879
I. Nợ ngắn hạn	310		93.304.696.583	102.470.256.335
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	3.405.953.568	2.508.781.543
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		894.397.500	84.375.845
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19	507.623.152	796.540.549
4. Phải trả người lao động	314		5.440.653.295	3.973.955.752
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		210.000.000	648.749.963
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	20	13.531.094.481	28.264.559.194
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21	69.112.286.987	65.740.143.489
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		202.687.600	453.150.000
II. Nợ dài hạn	330		152.760.905.825	66.668.642.544
1. Phải trả dài hạn khác	337	20	51.366.296.885	17.860.832.013
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	22	101.394.608.940	48.807.810.531
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		99.889.307.791	96.352.486.944
I. Vốn chủ sở hữu	410	23	99.889.307.791	96.352.486.944
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		92.792.610.000	92.792.610.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		289.330.000	289.330.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		166.650.000	166.650.000
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		6.640.717.791	3.103.896.944
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		3.103.896.944	8.447.789.151
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		3.536.820.847	(5.343.892.207)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		345.954.910.199	265.491.385.823

Dương Trung Tình
 Người lập biểu

Đoàn Triệu Chu Luân
 Kế toán trưởng

Võ Thành Nhân
 Tổng Giám đốc
 Ngày 28 tháng 3 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 02-DN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2015	2014
1. Doanh thu cung cấp dịch vụ	01		175.706.813.714	164.849.517.268
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		73.608.992	87.435.356
3. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	24	175.633.204.722	164.762.081.912
4. Giá vốn dịch vụ cung cấp	11	25	137.358.808.755	127.714.549.203
5. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		38.274.395.967	37.047.532.709
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	9.379.144.382	13.331.710.828
7. Chi phí tài chính	22	28	19.418.468.889	14.572.869.216
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		12.788.169.255	12.402.192.225
8. Chi phí bán hàng	25		12.570.433.738	11.598.191.823
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		10.978.565.022	12.526.776.684
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		4.686.072.700	11.681.405.814
11. Thu nhập khác	31		6.212.384.208	1.760.274.458
12. Chi phí khác	32		1.496.504.306	905.455.724
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	29	4.715.879.902	854.818.734
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		9.401.952.602	12.536.224.548
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	30	337.906.957	147.342.955
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		87.642.953	-
17. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51-52)	60		8.976.402.692	12.388.881.593

Dương Trung Tình
 Người lập biểu

Đoàn Triệu Chu Luân
 Kế toán trưởng

Võ Thành Nhân
 Tổng Giám đốc
 Ngày 28 tháng 3 năm 2016

22
 H
 Y
 UH
 TE
 M
 CH

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 03-DN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2015	2014
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	01	9.401.952.602	12.536.224.548
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	25.645.394.636	20.488.055.333
Các khoản dự phòng	03	7.631.628.453	1.679.502.524
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(5.709.421.188)	(14.762.016.467)
Chi phí lãi vay	06	12.788.169.255	12.402.192.225
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08	49.757.723.758	32.343.958.163
Tăng các khoản phải thu (Tăng)/giảm hàng tồn kho	09	(13.226.284.788)	(1.035.487.596)
Tăng các khoản phải trả (Tăng)/giảm chi phí trả trước	10	(386.464.257)	2.116.336
Tăng các khoản phải trả (Tăng)/giảm chi phí trả trước	11	30.933.106.851	517.225.607
Tăng (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(1.128.235.067)	191.619.634
Tiền lãi vay đã trả	14	(12.863.403.062)	(12.451.376.845)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(234.146.697)	(933.201.854)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	3.086.711.935
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.050.462.400)	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	51.801.834.338	21.721.565.380
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(95.993.454.680)	(47.892.295.777)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	23.607.776.293	4.360.636.364
3. Tiền chi cho vay của đơn vị khác	23	(1.420.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	156.967.229	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(25.754.433.000)	(7.297.309.292)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	700.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	379.144.382	431.642.466
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	(99.023.999.776)	(49.697.326.239)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	183.928.904.802	151.882.162.546
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(130.175.107.896)	(121.373.255.098)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.777.197.165)	(3.068.904.810)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	50.976.599.741	27.440.002.638
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	3.754.434.303	(535.758.221)
Tiền đầu năm	60	2.010.197.613	2.545.955.834
Tiền cuối năm (70=50+60)	70	5.764.631.916	2.010.197.613

Dương Trung Tình
 Người lập biểu

Đoàn Triệu Chu Luân
 Kế toán trưởng

Võ Thành Nhân
 Tổng Giám đốc
 Ngày 28 tháng 3 năm 2016

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 33 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Trung (gọi tắt là “Công ty”), tên giao dịch quốc tế Mai Linh Central Joint Stock Company, viết tắt là “MLC”, tiền thân là Công ty Cổ phần Mai Linh Đà Nẵng được thành lập ngày 30 tháng 10 năm 2000, theo theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 3203000009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp. Ngày 16 tháng 4 năm 2012, Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Trung. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi số 0400382219 với lần thay đổi gần nhất là lần thứ 13 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 13 tháng 11 năm 2015.

Công ty đang niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (“HNX”) theo Quyết định số 694/QĐ-SGDHN do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ban hành ngày 29 tháng 9 năm 2010. Mã chứng khoán của Công ty là “MNC”, bắt đầu giao dịch từ ngày 16 tháng 12 năm 2010.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 92.792.610.000 đồng và Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh (viết tắt là “MLG”) là cổ đông chính của Công ty.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 1.112 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 995).

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty nhận chuyển nhượng vốn tại Công ty TNHH MTV Mai Linh Phú Yên, Công ty TNHH MTV Mai Linh Kon Tum và Công ty TNHH MTV Mai Linh Gia Lai theo Nghị quyết số 14/2014/NQ-HĐQT ngày 08 tháng 10 năm 2014 của Hội Đồng Quản Trị với giá chuyển nhượng là 14.000.000.000 đồng.

- Công ty TNHH MTV Mai Linh Phú Yên được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 4400392415 cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Yên tại ngày 09 tháng 01 năm 2007 với vốn điều lệ là 3.600.000.000 đồng.
- Công ty TNHH MTV Mai Linh Kon Tum được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 6100247925 cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum tại ngày 19 tháng 11 năm 2007 với vốn điều lệ là 1.800.000.000 đồng.
- Công ty TNHH MTV Mai Linh Gia Lai được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 5900338217 cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai tại ngày 01 tháng 8 năm 2005 với vốn điều lệ là 6.800.000.000 đồng.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Công ty nắm giữ 100% vốn sở hữu của Công ty TNHH MTV Mai Linh Phú Yên, Công ty TNHH MTV Mai Linh Kon Tum và Công ty TNHH MTV Mai Linh Gia Lai.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày của bảng cân đối kế toán, Công ty có các công ty con và các chi nhánh sau:

Tên chi nhánh	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Trung	197 Huỳnh Tấn Phát, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh
Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Trung - Chi nhánh Du Lịch	92 Đường 2/9, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Hoạt động chính
Công ty TNHH Mai Linh Quảng Bình	Đường Quang Trung, TK Diêm Hải, Phường Phú Hải, Thành Phố Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Trị	Số 169 Lý Thường Kiệt, Phường Đông Lễ, Thị Xã Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Huế	177 Phan Đình Phùng, Phường Phú Nhuận, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hội An	Số 206 Lý Thường Kiệt, Phường Sơn Phong, Thành phố Hội An, Tỉnh Quảng Nam	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Tam Kỳ	Lô A42 Phan Bội Châu, Phường Tân Thạnh, Thành phố Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Ngãi	Số 28 - Hà Huy Tập, Phường Nghĩa Chánh, Thành phố Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Bình Định	Số 33A, Tây Sơn, Phường Quang Trung, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Phú Yên	Số 232, Đại lộ Hùng Vương, Phường 9, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Gia Lai	Số 97D, Phạm Văn Đồng, Phường Thống Nhất, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Kon Tum	Số 147, Phan Đình Phùng, Phường Quang Trung, Thành phố Kon tum, Tỉnh Kon Tum	Dịch vụ taxi

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi, Công ty đã đăng ký các hoạt động sản xuất kinh doanh trong các lĩnh vực sau:

- Vận tải hành khách bằng taxi;
- Vận tải khách theo hợp đồng và vận tải khách theo tuyến cố định bằng xe chất lượng cao Express;
- Du lịch lữ hành nội địa và quốc tế và các dịch vụ phục vụ khách du lịch;
- Dịch vụ quảng cáo;
- Đại lý vé máy bay trong nước và quốc tế;
- Đại lý vé tàu hỏa, tàu cánh ngầm, taxi nước;
- Đại lý bán ô tô, phụ tùng ô tô và các phương tiện vận tải khác;
- Dạy nghề ngắn hạn;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Tư vấn quản lý chất lượng theo các tiêu chuẩn quốc tế;
- Sửa chữa đóng mới phương tiện vận tải đường thủy, đường bộ.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính riêng

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Tuy nhiên, việc áp dụng Thông tư 200 không có ảnh hưởng trọng yếu đến tính so sánh của các số liệu trên báo cáo tài chính riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày nhằm phản ánh tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 cùng với kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày; do đó, Công ty không hợp nhất các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết trong báo cáo tài chính riêng này. Các khoản đầu tư của Công ty được ghi nhận theo các chính sách kế toán được trình bày tại Thuyết minh số 4 bên dưới.

Các báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và phải thu về cho vay ngắn hạn, dài hạn.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả và các khoản vay.

00-C
HẠN
S T)
NHƯ
ITT
NAR
HOC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là một công ty mà Công ty giữ cổ phần chi phối (trên 50%) cũng như quyền kiểm soát tương ứng. Đầu tư vào công ty con được hạch toán theo giá vốn, bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến khoản đầu tư. Tại các kỳ tiếp theo, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác thể hiện khoản đầu tư vào các công ty khác mà Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát, hoặc không có ảnh hưởng đáng kể. Các khoản đầu tư dài hạn được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá, bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua các khoản đầu tư dài hạn. Tại các kỳ hoạt động tiếp theo, các khoản đầu tư dài hạn khác được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư dài hạn. Lợi nhuận thuần được chia từ các khoản đầu tư này phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua các công cụ, dụng cụ, phụ tùng thay thế và các chi phí liên quan, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	10 - 20
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 7

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất không có thời hạn và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất không có thời hạn nên không tiến hành trích khấu hao theo quy định hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu từ dịch vụ taxi và các dịch vụ khác được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 - "Chi phí đi vay".

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ

Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ theo điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty cổ phần và theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên.

5. TIỀN	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Tiền mặt	911.428.791	649.039.842
Tiền gửi ngân hàng	4.853.203.125	1.361.157.771
	<u>5.764.631.916</u>	<u>2.010.197.613</u>

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Công ty TNHH Công nghiệp nặng Doosan Việt Nam	705.970.320	771.862.725
Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	2.213.372.685	2.002.823.634
	<u>2.919.343.005</u>	<u>2.774.686.359</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN TRUNG92 Đường 2/9, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Công ty thành viên trong nhóm Mai Linh Miền Trung ("MLC")	2.354.970.711	2.454.970.711
	<u>2.354.970.711</u>	<u>2.454.970.711</u>

Chi tiết các khoản cho vay ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015:

<u>Đối tượng</u>	<u>Thời hạn</u>	<u>Lãi suất</u>	<u>Số tiền</u>
Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Ngãi	12 tháng	1,3%/tháng	1.354.970.711
Công ty TNHH MTV Mai Linh Huế	12 tháng	1%/tháng	1.000.000.000
			<u>2.354.970.711</u>

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Công ty thành viên trong MLC	11.605.684.733	13.513.030.408
Công ty thành viên trong Tập Đoàn Mai Linh ("MLG")	18.508.428.594	18.299.782.226
Các công ty liên quan khác	19.970.496.000	-
Tạm ứng	722.806.063	450.373.079
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	301.074.000	395.874.000
Các khoản phải thu khác	294.561.392	396.208.113
	<u>51.403.050.782</u>	<u>33.055.267.826</u>

9. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

Dưới đây là dự phòng phải thu khó đòi do Công ty ghi nhận và sự thay đổi của khoản mục này trong năm nay và năm trước:

	VND
Số dư tại 01/01/2014	1.938.480.431
Trích dự phòng trong năm	251.722.779
Số dư tại 31/12/2014	<u>2.190.203.210</u>
Trích dự phòng trong năm	1.051.853.442
Số dư tại 31/12/2015	<u>3.242.056.652</u>

Tổng giá trị các khoản phải thu khách hàng quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi có giá trị lớn bao gồm:

<u>Đối tượng nợ</u>	<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Tại ngày 31/12/2015</u>		
		<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị có thể thu hồi</u>
		VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Năng lượng Mai Linh	Trên 3 năm	3.128.861.729	(3.128.861.729)	-
Công ty Cổ phần Vận tải tốc hành Mai Linh	Từ 2 - 3 năm	1.357.867.543	Không lập dự phòng	Không lập dự phòng

10. HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho bao gồm công cụ, dụng cụ và phụ tùng thay thế các loại dùng cho việc sửa chữa và bảo dưỡng xe ô tô.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN TRUNG

92 Đường 2/9, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu

Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
a. Ngắn hạn	2.506.080.471	1.646.821.292
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.249.448.965	28.842.559
Chi phí bảo hiểm	182.022.942	905.751.590
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.074.608.564	712.227.143
b. Dài hạn	268.975.888	-
Chi phí sửa chữa	268.975.888	-
	<u>2.775.056.359</u>	<u>1.646.821.292</u>

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	01/01/2015	Số phải nộp/ thu trong năm	Số đã thực nộp/ thu trong năm	31/12/2015
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế giá trị gia tăng	-	4.511.088.552	7.073.830.556	2.562.742.004
Thuế thu nhập doanh nghiệp	662.886.375	337.906.957	234.146.697	559.126.115
	<u>662.886.375</u>	<u>4.848.995.509</u>	<u>7.307.977.253</u>	<u>3.121.868.119</u>

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Thiết bị văn phòng	Phương tiện vận tải	Tổng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2015	3.692.132.322	164.432.113	188.652.522.024	192.509.086.459
Tăng trong năm	-	-	95.993.454.680	95.993.454.680
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(56.385.051.440)	(56.385.051.440)
Tại ngày 31/12/2015	<u>3.692.132.322</u>	<u>164.432.113</u>	<u>228.260.925.264</u>	<u>232.117.489.699</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2015	1.759.579.153	164.432.113	75.715.371.433	77.639.382.699
Khấu hao trong năm	211.332.000	-	25.434.062.636	25.645.394.636
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(38.486.696.335)	(38.486.696.335)
Tại ngày 31/12/2015	<u>1.970.911.153</u>	<u>164.432.113</u>	<u>62.662.737.734</u>	<u>64.798.081.000</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 31/12/2015	<u>1.721.221.169</u>	<u>-</u>	<u>165.598.187.530</u>	<u>167.319.408.699</u>
Tại ngày 31/12/2014	<u>1.932.553.169</u>	<u>-</u>	<u>112.937.150.591</u>	<u>114.869.703.760</u>

Như trình bày tại Thuyết minh số 21 và 22, Công ty đã thế chấp phương tiện vận tải với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 165.598.187.530 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 112.937.150.591 đồng) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 617.366.266 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 617.366.266 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN TRUNG

92 Đường 2/9, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu

Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, nguyên giá của các tài sản cố định là phương tiện vận tải đã cam kết bán cho các bên cá nhân hợp tác kinh doanh khi hợp đồng hợp tác kinh doanh đáo hạn là 22.076.242.274 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 34.757.027.662 đồng).

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 thể hiện giá trị quyền sử dụng đất lâu dài của hai (02) lô đất sau:

- (a) Khu đất A3.3 thuộc Khu dân cư Nam Cầu Cẩm Lệ - Xã Hòa Châu - Huyện Hòa Vang - Thành phố Đà Nẵng có diện tích 12.594.80 m² với số tiền 17.382.546.000 đồng. Tài sản này đã được thế chấp tại Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Đà Nẵng.

Khu đất Văn phòng Công ty tại Đường 2/9 - TP. Đà Nẵng với số tiền 936.000.000 đồng. Tài sản này đã được thế chấp tại Ngân hàng Tiên Phong - Chi nhánh Đà Nẵng.

15. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Chi tiết các khoản đầu vào công ty con ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

	Tỷ lệ sở hữu	31/12/2015		31/12/2014	
		Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
		VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Mai Linh Quảng Bình	75	12.600.000.000	-	12.600.000.000	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Trị	100	3.800.000.000	-	3.800.000.000	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Huế	100	18.000.000.000	-	13.500.000.000	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hội An	100	11.000.000.000	-	11.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Tam Kỳ	100	3.800.000.000	(1.276.574.643)	3.800.000.000	(188.869.094)
Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Ngãi	100	19.120.000.000	-	14.620.000.000	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Bình Định	100	8.000.000.000	-	8.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Phú Yên	100	3.600.000.000	(735.861.127)	-	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Gia Lai	100	6.800.000.000	(6.517.842.009)	-	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Kon Tum	100	3.600.000.000	-	-	-
		90.320.000.000	(8.530.277.779)	67.320.000.000	(188.869.094)

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty TNHH Mai Linh Quảng Bình	Quảng Bình	75%	75%	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Trị	Quảng Trị	100%	100%	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Huế	Huế	100%	100%	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hội An	Hội An	100%	100%	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Tam Kỳ	Quảng Nam	100%	100%	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Ngãi	Quảng Ngãi	100%	100%	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Bình Định	Bình Định	100%	100%	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Phú Yên	Phú Yên	100%	100%	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Gia Lai	Gia Lai	100%	100%	Dịch vụ taxi
Công ty TNHH MTV Mai Linh Kon Tum	Kon Tum	100%	100%	Dịch vụ taxi

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN TRUNG92 Đường 2/9, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty nhận chuyển nhượng vốn tại Công ty TNHH MTV Mai Linh Phú Yên, Công ty TNHH MTV Mai Linh Kon Tum và Công ty TNHH MTV Mai Linh Gia Lai theo Nghị quyết số 14/2014/NQ-HĐQT ngày 08 tháng 10 năm 2014 của Hội Đồng Quản Trị với giá chuyển nhượng là 14.000.000.000 đồng. Chi tiết như sau:

- Công ty TNHH MTV Mai Linh Phú Yên được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 4400392415 cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Yên tại ngày 09 tháng 01 năm 2007 với vốn điều lệ là 3.600.000.000 đồng.
- Công ty TNHH MTV Mai Linh Kon Tum được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 6100247925 cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum tại ngày 19 tháng 11 năm 2007 với vốn điều lệ là 1.800.000.000 đồng.
- Công ty TNHH MTV Mai Linh Gia Lai được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 5900338217 cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai tại ngày 01 tháng 08 năm 2005 với vốn điều lệ là 6.800.000.000 đồng.

Theo Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Công ty nắm giữ 100% vốn sở hữu của Công ty TNHH MTV Mai Linh Phú Yên, Công ty TNHH MTV Mai Linh Kon Tum và Công ty TNHH MTV Mai Linh Gia Lai.

16. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	Tỷ lệ sở hữu %	31/12/2015		31/12/2014	
		Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
		VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên ("MSH")	5,78	17.453.937.000	(7.106.421.272)	32.850.000.000	(8.868.054.946)
Công ty Cổ phần Việt Đăng Khoa Đà Nẵng	10	680.000.000	-	-	-
		18.133.937.000	(7.106.421.272)	32.850.000.000	(8.868.054.946)

Thông tin chi tiết về khoản đầu tư dài hạn như sau:

Tên công ty được đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%)	Hoạt động chính
MSH (*)	Khánh Hòa	5,78	5,78	Dịch vụ taxi
Công ty Cổ phần Việt Đăng Khoa Đà Nẵng	Đà Nẵng	10	10	Dịch vụ taxi

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty nắm giữ 11,7% vốn của MSH, tương đương 11,7% quyền biểu quyết. Theo Biên bản họp đại hội đồng cổ đông bất thường số 56/2015/BBHĐQTMLMT ngày 02 tháng 11 năm 2015, về việc chuyển nhượng cổ phần Công ty Cổ phần Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên ("MSH"), Công ty đã chuyển nhượng 1.872.000 cổ phần (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần) cho Công ty Cổ phần Việt Đăng Khoa Đà Nẵng với giá trị chuyển nhượng là 19.970.496.000 đồng. Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 56/2015/HĐCNCP ký với Công ty Cổ phần Việt Đăng Khoa Đà Nẵng vào ngày 03 tháng 11 năm 2015; tuy nhiên một số thủ tục đăng ký với cơ quan nhà nước và thay đổi Giấy đăng ký kinh doanh /sổ cổ đông tại MSH chưa được hoàn tất. Sau khi chuyển nhượng, tỷ lệ phần sở hữu và quyền biểu quyết nắm giữ tại MSH là 5,78%.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN TRUNG

92 Đường 2/9, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu

Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***17. DỰ PHÒNG ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty TNHH MTV Mai Linh Tam Kỳ	(1.276.574.643)	(188.869.094)
Công ty TNHH MTV Mai Linh Phú Yên	(735.861.127)	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Gia Lai	(6.517.842.009)	-
MSH	(7.106.421.272)	(8.868.054.946)
	<u>(15.636.699.051)</u>	<u>(9.056.924.040)</u>

Thông tin chi tiết về các khoản dự phòng như sau:

Khoản đầu tư tài chính dài hạn	Tỷ lệ sở hữu tại 31/12/2015	Vốn CSH theo BCTC	Vốn thực góp tại 31/12/2015	Dự phòng tại 31/12/2015
Công ty TNHH MTV Mai Linh Tam Kỳ	100%	2.523.425.357	3.800.000.000	(1.276.574.643)
Công ty TNHH MTV Mai Linh Phú Yên	100%	2.864.138.873	3.600.000.000	(735.861.127)
Công ty TNHH MTV Mai Linh Gia Lai	100%	282.157.991	6.800.000.000	(6.517.842.009)
MSH (*)	5,78%	145.139.969.823	17.453.937.000	(7.106.421.272)

(*) Khoản dự phòng tại MSH chưa được tính toán lại theo vốn chủ sở hữu thực có của MSH tại ngày lập báo cáo tài chính. Đồng thời, khoản dự phòng này chưa bao gồm khoản ước tính dự phòng giảm giá của khoản đầu tư với tổng giá trị đầu tư là 82.500.000.000 đồng mà MSH đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phú Mỹ. Giá trị đầu tư này là số tiền MSH đầu tư vào 1.100.000 cổ phần (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần) của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phú Mỹ, tương ứng 1,48% tỷ lệ sở hữu và biểu quyết tại công ty này. Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc không có thông tin thích hợp để đánh giá làm căn cứ trích lập dự phòng (nếu có) đối với khoản đầu tư này của MSH.

18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải trả các bên liên quan (xem Thuyết minh 34)	1.031.664.562	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ số Toàn Cầu	387.123.660	467.638.204
Phải trả người bán ngắn hạn khác	1.987.165.346	2.041.143.339
	<u>3.405.953.568</u>	<u>2.508.781.543</u>

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2015	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2015
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế giá trị gia tăng	608.039.172	1.986.502.290	2.413.978.962	180.562.500
Thuế thu nhập cá nhân	188.501.377	1.603.381.338	1.524.447.063	267.435.652
Các loại thuế khác	-	93.475.000	33.850.000	59.625.000
	<u>796.540.549</u>	<u>3.683.358.628</u>	<u>3.972.276.025</u>	<u>507.623.152</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN TRUNG92 Đường 2/9, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***20. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC**

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
a. Ngắn hạn	13.531.094.481	28.264.559.194
Kinh phí công đoàn	92.931.794	370.127.270
Bảo hiểm xã hội, BHYT, BHTN	921.687.146	986.700.713
Phải trả cho các công ty thành viên trong MLC	5.079.732.066	9.091.451.146
Phải trả các công ty thành viên trong MLG	397.106.355	227.286.956
Quỹ hỗ trợ tai nạn, tiếp thị rửa xe	484.609.180	85.353.406
Thu hộ nhà đầu tư hợp tác xe kinh doanh taxi	1.910.257.625	1.322.184.335
Cổ tức phải trả cho cổ đông	2.494.610.500	2.849.567.665
Phải trả tiền đặt cọc bán xe hợp tác kinh doanh (*)	1.424.500.000	9.072.400.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	725.659.815	4.259.487.703
b. Dài hạn	51.366.296.885	17.860.832.013
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn (**)	10.333.796.885	9.005.832.013
Phải trả tiền đặt cọc bán xe hợp tác kinh doanh (*)	41.032.500.000	8.855.000.000
	<u>64.897.391.366</u>	<u>46.125.391.207</u>

(*) Phải trả tiền đặt cọc bán xe hợp tác kinh doanh thể hiện khoản nhận tiền ký quỹ không có lãi suất cho các hợp đồng hợp tác kinh doanh xe taxi của các chủ đầu tư.

(**) Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn thể hiện khoản nhận ký quỹ, ký cược không có lãi suất của nhân viên lái xe đối với Công ty khi ký hợp đồng lao động, các khoản ký quỹ này được áp dụng theo quy định của Công ty đối với từng loại xe và được hoàn trả khi nghỉ việc; và các khoản ký quỹ mở thẻ "Mailinh Customer Club" ("MCC") của khách hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

21. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2014			31/12/2015		
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Trong năm	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Trong năm
Vay ngắn hạn từ các ngân hàng thương mại	28.259.000.000	28.259.000.000	83.943.437.802	25.456.782.803	25.456.782.803	
Vay ngắn hạn cá nhân	10.867.356.000	10.867.356.000	8.506.699.000	7.701.000.000	7.701.000.000	
Vay ngắn hạn dài hạn đến hạn trả	14.556.691.667	14.556.691.667	36.255.657.337	25.646.104.004	25.646.104.004	
Vay cá nhân dài hạn đến hạn trả	12.057.095.822	12.057.095.822	9.280.517.299	10.308.400.180	10.308.400.180	
	65.740.143.489	65.740.143.489	137.986.311.438	69.112.286.987	69.112.286.987	

Vay ngắn hạn từ các ngân hàng thương mại trong nước cho mục đích thanh toán các chi phí lưu động phục vụ cho sản xuất kinh doanh. Các khoản vay này được thực hiện bằng Đồng Việt Nam với tổng hạn mức là 33 tỷ đồng. Các khoản vay này được bảo đảm bằng quyền sử dụng đất và các phương tiện vận tải của Công ty theo Thuyết minh số 13 và số 14. Các khoản vay bằng Đồng Việt Nam chịu lãi suất trong khoảng từ 7%/năm đến 9%/năm (năm 2014: từ 8,5%/năm đến 10,5%/năm). Các khoản vay này có thời hạn vay từ 4 tháng đến 6 tháng được quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ.

Vay ngắn hạn cá nhân thể hiện những khoản vay tín chấp có thời hạn từ 3 tháng đến 12 tháng với lãi suất mỗi tháng từ 0,87% đến 1%.

22. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2014			31/12/2015		
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Trong năm	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Trong năm
Vay dài hạn ngân hàng	51.203.590.000	51.203.590.000	95.349.972.836	109.798.096.497	109.798.096.497	
Vay dài hạn cá nhân	24.218.008.020	24.218.008.020	17.425.314.995	27.551.016.627	27.551.016.627	
	75.421.598.020	75.421.598.020	112.775.287.831	137.349.113.124	137.349.113.124	

Trong đó:

- Số phải trả trong vòng 12 tháng	26.613.787.489	35.954.504.184
- Số phải trả sau 12 tháng	48.807.810.531	101.394.608.940

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN TRUNG92 Đường 2/9, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

Vay dài hạn từ các ngân hàng thương mại thể hiện các khoản vay bằng Đồng Việt Nam cho mục đích thanh toán các khoản đầu tư mua mới xe ô tô cho kinh doanh dịch vụ taxi. Các khoản vay này được đảm bảo bằng các phương tiện vận tải của Công ty hình thành từ vốn vay (xem thêm Thuyết minh số 13) và có thời hạn vay từ 48 tháng cho tới 96 tháng với lãi suất trong khoảng từ 9%/năm đến 12%/năm (năm 2014: từ 9,3%/năm đến 12%/năm).

Vay dài hạn cá nhân là các khoản vay thông qua hình thức đầu tư hợp tác kinh doanh với thời hạn cho vay từ 36 tháng đến 60 tháng với lãi suất mỗi tháng từ 1% đến 1,04%.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Trong vòng một năm	35.954.504.184	26.613.787.489
Trong năm thứ hai	30.926.164.527	15.451.739.461
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	68.818.444.413	27.383.946.070
Sau năm năm	1.650.000.000	5.972.125.000
	137.349.113.124	75.421.598.020
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	(35.954.504.184)	(26.613.787.489)
Số phải trả sau 12 tháng	101.394.608.940	48.807.810.531

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại 01/01/2014	80.693.070.000	289.330.000	166.650.000	8.447.789.151	89.596.839.151
Tăng vốn trong năm	12.099.540.000	-	-	(12.099.540.000)	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	12.388.881.593	12.388.881.593
Tăng khác	-	-	-	1.419.700	1.419.700
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(5.634.653.500)	(5.634.653.500)
Số dư tại 31/12/2014	92.792.610.000	289.330.000	166.650.000	3.103.896.944	96.352.486.944
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	8.976.402.692	8.976.402.692
Tăng khác	-	-	-	48.655	48.655
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(5.439.630.500)	(5.439.630.500)
Số dư tại 31/12/2015	92.792.610.000	289.330.000	166.650.000	6.640.717.791	99.889.307.791

Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 18 tháng 4 năm 2015, Hội đồng Quản trị Công ty công bố trích quỹ khen thưởng phúc lợi với số tiền là 800.000.000 đồng (năm 2014: 1.600.000.000 đồng) và mức chia cổ tức bằng tiền cho lợi nhuận chưa phân phối của năm 2014 là 500 đồng trên 1 cổ phiếu tương đương là 4.639.630.500 đồng (năm 2014: 4.034.653.500 đồng).

Cổ phần

	31/12/2015	31/12/2014
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.279.261	9.279.261
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	9.279.261	9.279.261
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.279.261	9.279.261
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	9.279.261	9.279.261
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Mệnh giá đang lưu hành (đồng/cổ phần)	10.000	10.000

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN TRUNG92 Đường 2/9, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***Vốn cổ phần**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, vốn cổ phần của Công ty là 92.792.610.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 92.792.610.000 đồng). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, vốn cổ phần đã được cổ đông góp đủ như sau:

	Tại ngày 31/12/2015			Tại ngày 31/12/2014		
	Cổ phần	%	VND	Cổ phần	%	VND
MLG	4.434.781	47,79	44.347.810.000	4.434.781	47,79	44.347.810.000
Ông Hồ Huy	1.174.380	12,66	11.743.800.000	1.174.380	12,66	11.743.800.000
Các Cổ đông khác	3.670.100	39,55	36.701.000.000	3.670.100	39,55	36.701.000.000
	9.279.261	100	92.792.610.000	9.279.261	100	92.792.610.000

24. DOANH THU CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2015	2014
	VND	VND
Tổng doanh thu cung cấp dịch vụ	175.706.813.714	164.849.517.268
<i>Trong đó</i>		
Doanh thu dịch vụ taxi	132.701.202.266	125.589.003.944
Doanh thu dịch vụ cho thuê xe	1.963.177.910	3.424.545.455
Doanh thu dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa	3.833.508.197	3.033.085.954
Doanh thu dịch vụ vận tải hành khách đường bộ, vận chuyển du lịch	13.214.788.166	12.449.786.107
Doanh thu cho thuê và quản lý xe thương quyền	16.505.249.130	12.153.858.501
Doanh thu từ hoạt động cho thuê thương hiệu Mai Linh	5.623.892.306	5.923.107.183
Doanh thu các dịch vụ khác	1.864.995.739	2.276.130.124
Các khoản giảm từ doanh thu	(73.608.992)	(87.435.356)
Chiết khấu thương mại	(73.608.992)	(87.435.356)
	175.633.204.722	164.762.081.912

25. GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2015	2014
	VND	VND
Giá vốn dịch vụ taxi	115.421.553.872	106.067.897.395
Giá vốn dịch vụ cho thuê xe	911.253.333	1.400.844.819
Giá vốn dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa	2.941.773.748	2.864.956.811
Giá vốn dịch vụ vận tải hành khách đường bộ, vận chuyển du lịch	11.414.498.251	10.383.369.065
Giá vốn cho thuê và quản lý xe thương quyền	6.669.729.551	4.568.879.169
Giá vốn các dịch vụ khác	-	2.428.601.944
	137.358.808.755	127.714.549.203

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN TRUNG

92 Đường 2/9, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu

Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***26. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	2015	2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	28.869.118.562	32.543.742.978
Chi phí nhân công	66.842.838.121	52.590.988.386
Chi phí khấu hao tài sản cố định	25.645.394.636	20.488.055.333
Chi phí dịch vụ mua ngoài	33.709.987.594	37.280.430.644
Chi phí khác	5.840.468.602	8.936.290.369
	<u>160.907.807.515</u>	<u>151.839.507.710</u>

27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2015	2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	379.144.382	431.642.466
Lợi nhuận được chia từ công ty con	9.000.000.000	12.900.000.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	68.362
	<u>9.379.144.382</u>	<u>13.331.710.828</u>

28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2015	2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền vay	12.788.169.255	12.402.192.225
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn, dài hạn	6.579.775.011	1.931.225.303
Chi phí hoạt động tài chính khác	50.524.623	239.451.688
	<u>19.418.468.889</u>	<u>14.572.869.216</u>

29. LỢI NHUẬN KHÁC

	2015	2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thanh lý nhượng bán tài sản cố định	5.709.421.188	1.430.374.001
Khác	502.963.020	329.900.457
Thu nhập khác	<u>6.212.384.208</u>	<u>1.760.274.458</u>
Thu lao Hội đồng Quản trị	1.055.000.000	798.000.000
Thuế bị truy thu, phạt chậm nộp	229.448.722	-
Khác	212.055.584	107.455.724
Chi phí khác	<u>1.496.504.306</u>	<u>905.455.724</u>
Lợi nhuận khác	<u>4.715.879.902</u>	<u>854.818.734</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2015	2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lợi nhuận trước thuế	9.401.952.602	12.536.224.548
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	9.000.000.000	12.900.000.000
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	<u>957.432.358</u>	<u>1.033.516.156</u>
Thu nhập chịu thuế	1.359.384.960	669.740.704
Thuế suất thông thường	22%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	299.064.691	147.342.955
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	38.842.266	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>337.906.957</u>	<u>147.342.955</u>

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 22% trên thu nhập chịu thuế.

Cơ quan thuế đã kiểm tra quyết toán thuế của Công ty đến năm 2012.

31. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	2015	2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	<u>4.895.583.817</u>	<u>5.505.036.364</u>

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trong vòng một năm	102.036.364	5.050.818.182
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	<u>939.272.727</u>	<u>-</u>
	<u>1.041.309.091</u>	<u>5.050.818.182</u>

Các khoản thuê hoạt động thể hiện thể hiện số tiền thuê xe cho dịch vụ taxi với thời gian thuê từ một (01) đến năm (05) năm.

32. CAM KẾT CHI TIÊU VỐN

Công ty kí hợp đồng số 1359/1115/48.4 ngày 14 tháng 10 năm 2015 cam kết mua phương tiện vận tải với Công ty Cổ phần Phú Tài – Xí nghiệp Toyota Đà Nẵng với giá trị là 16.261.400.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty chưa hoàn tất giao dịch này.

33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 21 và 21 trừ đi tiền) và phần vốn chủ sở hữu (bao gồm vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quỹ đầu tư phát triển, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Các khoản vay	170.506.895.927	114.547.954.020
Trừ: Tiền	(5.764.631.916)	(2.010.197.613)
Nợ thuần	164.742.264.011	112.537.756.407
Vốn chủ sở hữu	99.889.307.791	96.352.486.944
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>1,65</u>	<u>1,17</u>

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tài sản tài chính		
Tiền	5.764.631.916	2.010.197.613
Phải thu khách hàng, phải thu khác	34.351.897.787	35.829.954.185
Phải thu về cho vay ngắn hạn, dài hạn	3.718.003.482	2.454.970.711
	<u>43.834.533.185</u>	<u>40.295.122.509</u>
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	170.506.895.927	114.547.954.020
Phải trả người bán và phải trả khác	27.270.844.934	39.779.172.750
Chi phí phải trả	210.000.000	648.749.963
	<u>197.987.740.861</u>	<u>154.975.876.733</u>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

12:
H
ON
VHI
C
T
P.1

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN TRUNG92 Đường 2/9, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo****Quản lý rủi ro lãi suất***

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Độ nhạy của lãi suất

	Tăng/(giảm) số điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế <u>VND</u>
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015		
VND	200	(3.410.137.919)
VND	<u>(200)</u>	<u>3.410.137.919</u>
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014		
VND	200	(2.290.959.080)
VND	<u>(200)</u>	<u>2.290.959.080</u>

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN TRUNG

92 Đường 2/9, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu

Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2015			
Tiền	5.764.631.916	-	5.764.631.916
Phải thu khách hàng, phải thu khác	34.351.897.787	-	34.351.897.787
Phải thu về cho vay ngắn hạn, dài hạn	2.354.970.711	1.363.032.771	3.718.003.482
	42.471.500.414	1.363.032.771	43.834.533.185
Các khoản vay	69.112.286.987	101.394.608.940	170.506.895.927
Phải trả người bán và phải trả khác	16.937.048.049	10.333.796.885	27.270.844.934
Chi phí phải trả	210.000.000	-	210.000.000
	86.259.335.036	111.728.405.825	197.987.740.861
Chênh lệch thanh khoản thuần	(43.787.834.622)	(110.365.373.054)	(154.153.207.676)
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2014			
Tiền	2.010.197.613	-	2.010.197.613
Phải thu khách hàng, phải thu khác	35.829.954.185	-	35.829.954.185
Phải thu về cho vay ngắn hạn	2.454.970.711	-	2.454.970.711
	40.295.122.509	-	40.295.122.509
Các khoản vay	65.740.143.489	48.807.810.531	114.547.954.020
Phải trả người bán và phải trả khác	30.773.340.737	9.005.832.013	39.779.172.750
Chi phí phải trả	648.749.963	-	648.749.963
	97.162.234.189	57.813.642.544	154.975.876.733
Chênh lệch thanh khoản thuần	(56.867.111.680)	(57.813.642.544)	(114.680.754.224)

Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng với sự cam kết tái cấu trúc mạnh mẽ, cũng như nguồn tiền từ hoạt động taxi hàng ngày và từ các khoản vay ngân hàng, Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

34. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh (MLG)	Cổ đông chính
Công ty TNHH Mai Linh Quảng Bình	Công ty con
Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Trị	Công ty con
Công ty TNHH MTV Mai Linh Huế	Công ty con
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hội An	Công ty con
Công ty TNHH MTV Mai Linh Tam Kỳ	Công ty con
Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Ngãi	Công ty con
Công ty TNHH MTV Mai Linh Bình Định	Công ty con
Công ty TNHH MTV Mai Linh Phú Yên	Công ty con (từ ngày 01/01/2015)
Công ty TNHH MTV Mai Linh Kon Tum	Công ty con (từ ngày 01/01/2015)
Công ty TNHH MTV Mai Linh Gia Lai	Công ty con (từ ngày 01/01/2015)
Công ty TNHH MTV Mai Linh Đà Lạt	Công ty thành viên trong MLG
Công ty TNHH MTV Mai Linh Đắk Lắk	Công ty thành viên trong MLG
Công ty TNHH Mai Linh Đông Nam Bộ	Công ty thành viên trong MLG
Công ty TNHH Dệt May Hạnh Linh	Công ty thành viên trong MLG

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN TRUNG92 Đường 2/9, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***Bên liên quan****Mối quan hệ**

Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Nam	Công ty thành viên trong MLG
Công ty TNHH Vận Chuyển Hàng Hóa Mai Linh	Công ty thành viên trong MLG
Công ty TNHH Nước Khoáng Mai Linh	Công ty thành viên trong MLG
Công ty Cổ phần Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên	Công ty thành viên trong MLG
Công ty TNHH MTV Mai Linh Đắk Nông	Công ty thành viên trong MLG
Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Bắc	Công ty thành viên trong MLG
Công ty TNHH MTV Mai Linh Phan Rang	Công ty thành viên trong MLG
Công ty Cổ phần Mai Linh Đông Đô	Công ty thành viên trong MLG
Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Sao Mai	Công ty thành viên trong MLG
Chi nhánh Công ty TNHH Dịch Vụ Bảo Vệ An Ninh	Công ty đồng Chủ tịch
Công ty Cổ phần TMDV Thiết kế và In bao bì Năng Động	Công ty đồng Chủ tịch
Công ty Cổ phần Vận tải Hành khách Mai Linh	Công ty đồng Chủ tịch
Công ty TNHH Dịch vụ và Du lịch Lữ hành Mai Linh	Công ty đồng Chủ tịch
Công ty Cổ phần Năng Lượng Mai Linh	Công ty đồng Chủ tịch
Công ty TNHH Du Lịch Mai Linh	Công ty đồng Chủ tịch
Công ty Cổ phần Vận tải Tốc hành Mai Linh	Công ty đồng Chủ tịch
Công ty Cổ phần Truyền thông Việt Linh	Công ty đồng Chủ tịch
Chi nhánh Trung Tâm xe cho thuê Mai Linh	Công ty đồng Chủ tịch
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Mai Linh	Công ty đồng Chủ tịch
Trung tâm Dịch vụ Viễn thông Mai Linh	Công ty đồng Chủ tịch
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hồ Huy	Công ty đồng Chủ tịch
Công ty Cổ phần Việt Đăng Khoa Đà Nẵng	Công ty liên quan

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	2015	2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Bán hàng		
Công ty thành viên trong MLC		
Công ty TNHH Mai Linh Quảng Bình	116.713.669	1.153.031.541
Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Trị	541.649.841	462.727.272
Công ty TNHH MTV Mai Linh Huế	3.107.229.000	3.176.787.880
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hội An	868.510.271	667.619.092
Công ty TNHH MTV Mai Linh Tam Kỳ	769.835.000	533.883.273
Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Ngãi	1.939.783.845	1.680.931.336
Công ty TNHH MTV Mai Linh Bình Định	47.826.255	1.666.666
Công ty TNHH MTV Mai Linh Phú Yên	653.632.767	190.909.092
Công ty TNHH MTV Mai Linh Kon Tum	10.809.091	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Gia Lai	27.272.727	-
	<u>8.083.262.466</u>	<u>7.867.556.152</u>
Công ty thành viên trong MLG		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh (MLG)	17.786.300.937	17.201.323.818
Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Nam	-	671.818.181
Công ty TNHH MTV Mai Linh Đà Lạt	45.454.545	90.909.090
Công ty TNHH MTV Mai Linh Phan Rang	9.090.909	13.636.364
Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Bắc	106.240.000	6.134.545
Công ty Cổ phần Vận tải Hành khách Mai Linh	4.790.000	54.639.850
Công ty TNHH Dịch vụ và Du lịch Lữ hành Mai Linh	3.090.909	172.067.955
Công ty Cổ phần Vận tải Tốc hành Mai Linh	38.513.200	1.098.872.619
Công ty TNHH MTV Mai Linh Đắk Nông	4.545.455	13.636.364
Công ty TNHH MTV Mai Linh Đắk Lắk	6.222.728	-
	<u>18.004.248.683</u>	<u>19.323.038.786</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MAI LINH MIỀN TRUNG

92 Đường 2/9, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu

Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

	2015	2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Mua hàng		
Công ty thành viên trong MLC		
Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Trị	-	1.520.445.750
Công ty TNHH MTV Mai Linh Huế	3.641.818	2.729.090
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hội An	310.000	261.570.096
Công ty TNHH MTV Mai Linh Tam Kỳ	340.599.120	870.156.146
Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Ngãi	3.923.232.000	4.310.612.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Phú Yên	732.643.788	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Gia Lai	5.702.693.763	128.181.818
	<u>10.703.120.489</u>	<u>7.093.694.900</u>
Công ty thành viên trong MLG		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh (MLG)	16.688.194.456	17.156.250.328
Công ty TNHH Dệt May Hạnh Linh	735.223.850	-
Chi nhánh Công ty TNHH Dịch Vụ Bảo Vệ An Ninh	222.380.000	217.800.000
Công ty Cổ phần TMDV Thiết kế và In bao bì Năng Động	63.986.545	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Đắk Lắk	-	1.354.545
Công ty TNHH Vận Chuyển Hàng Hóa Mai Linh	-	2.060.000
Công ty Cổ phần Vận tải Hành khách Mai Linh	29.152.000	89.950
Công ty Cổ phần Vận tải Tốc hành Mai Linh	-	65.203.540
Công ty Cổ phần Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên	2.128.000	8.988.000
Công ty TNHH Mai Linh Đông Nam Bộ	-	1.236.364
Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Sao Mai	197.534.550	-
Công ty TNHH Dịch vụ và Du lịch Lữ hành Mai Linh	250.166.513	-
	<u>18.188.765.914</u>	<u>17.452.982.727</u>
Mua tài sản cố định		
Công ty TNHH MTV Mai Linh Bình Định	1.970.000.000	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Đà Lạt	2.610.000.000	-
	<u>2.610.000.000</u>	<u>0</u>
Điều chuyển lợi nhuận		
Công ty TNHH Mai Linh Quảng Bình		
Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Trị	-	1.100.000.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Huế	3.000.000.000	1.700.000.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hội An	3.000.000.000	4.000.000.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Tam Kỳ	-	1.100.000.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Ngãi	3.000.000.000	5.000.000.000
	<u>3.000.000.000</u>	<u>5.000.000.000</u>
Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:		
	2015	2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lương	2.031.640.923	1.804.109.328
Các khoản phúc lợi khác	1.266.455.000	602.286.130
	<u>3.298.095.923</u>	<u>2.406.395.458</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Số dư với các bên liên quan:

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải thu khác		
Công ty thành viên trong MLC		
Công ty TNHH Mai Linh Quảng Bình	1.008.670.606	1.000.585.570
Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Trị	1.487.694.503	1.028.379.678
Công ty TNHH MTV Mai Linh Huế	4.127.097.537	5.047.651.637
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hội An	-	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Tam Kỳ	20.806.000	1.156.048.989
Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Ngãi	3.443.249.979	5.138.697.868
Công ty TNHH MTV Mai Linh Bình Định	-	1.666.666
Công ty TNHH MTV Mai Linh Phú Yên	1.518.166.108	140.000.000
	<u>11.605.684.733</u>	<u>13.513.030.408</u>
Công ty thành viên trong MLG		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh (MLG)	11.557.755.102	11.042.571.429
Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Nam	2.297.818.727	2.297.818.727
Công ty TNHH Du Lịch Mai Linh	63.086.081	340.289.486
Công ty Cổ phần Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên	13.607.000	13.607.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Phan Rang	23.000.000	33.000.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Đắc Lắc	61.940.319	61.940.319
Công ty TNHH MTV Mai Linh Đà Lạt	-	3.025.000
Công ty Cổ phần Năng Lượng Mai Linh	3.128.861.729	3.128.861.729
Công ty Cổ phần Vận tải Tốc hành Mai Linh	1.357.995.889	1.371.304.789
Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Bắc	-	3.000.000
Trung tâm Dịch vụ Viễn thông Mai Linh	4.363.747	4.363.747
	<u>18.508.428.594</u>	<u>18.299.782.226</u>
Các bên liên quan khác		
Công ty Cổ phần Việt Đăng Khoa Đà Nẵng	19.970.496.000	-
	<u>19.970.496.000</u>	<u>-</u>
Phải trả người bán		
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hồ Huy	596.664.562	-
Công ty Cổ phần Việt Đăng Khoa Đà Nẵng	435.000.000	-
	<u>1.031.664.562</u>	<u>-</u>

2015
 CHI
 CÔNG
 TNHH
 MAI
 LINH
 MIỀN
 TRUNG
 TP.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải trả khác		
Công ty thành viên trong MLC		
Công ty TNHH MTV Mai Linh Huế	28.264.000	28.264.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Hội An	4.201.315.667	8.296.416.578
Công ty TNHH MTV Mai Linh Tam Kỳ	182.504.904	21.305.393
Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Ngãi	664.691.920	745.129.600
Công ty TNHH MTV Mai Linh Gia Lai	2.955.575	335.575
	<u>5.079.732.066</u>	<u>9.091.451.146</u>
Công ty thành viên trong MLG		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Mai Linh (MLG)	-	4.844.531
Công ty TNHH Mai Linh Đông Nam Bộ	1.360.000	-
Chi nhánh Trung Tâm xe cho thuê Mai Linh	2.000.000	2.000.000
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Mai Linh	60.299.800	58.649.800
Công ty TNHH Dệt May Hạnh Linh	195.686.590	97.719.600
Công ty Cổ phần Mai Linh Miền Nam	4.290.000	-
Chi nhánh Công ty TNHH Dịch Vụ Bảo Vệ An Ninh	20.405.000	39.930.000
Công ty TNHH Du Lịch Mai Linh	-	7.100.000
Công ty TNHH Vận Chuyển Hàng Hóa Mai Linh	-	737.000
Công ty TNHH Nước Khoáng Mai Linh	-	641
Công ty Cổ phần Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên	23.933.234	10.377.884
Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Sao Mai	48.000.000	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Đắc Lắc	170.000	5.927.500
Công ty Cổ phần Vận tải Tốc hành Mai Linh	13.677.600	-
Công ty Cổ phần TMDV Thiết kế và In bao bì Năng Động	16.430.000	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Đắc Nông	10.854.131	-
	<u>397.106.355</u>	<u>227.286.956</u>
Cho vay ngắn hạn, dài hạn		
Công ty TNHH MTV Mai Linh Huế	1.000.000.000	1.000.000.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Ngãi	1.354.970.711	1.354.970.711
Công ty TNHH MTV Mai Linh Bình Định	843.032.771	100.000.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Gia Lai	520.000.000	-
Đầu tư nội bộ		
Công ty TNHH Mai Linh Quảng Bình	12.600.000.000	12.600.000.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Trị	3.800.000.000	3.800.000.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Huế	18.000.000.000	13.500.000.000
Công ty TNHH Mai Linh Hội An	11.000.000.000	11.000.000.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Tam Kỳ	3.800.000.000	3.800.000.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Quảng Ngãi	19.120.000.000	14.620.000.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Bình Định	8.000.000.000	8.000.000.000
Công ty TNHH MTV Mai Linh Phú Yên	3.600.000.000	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Kon Tum	6.800.000.000	-
Công ty TNHH MTV Mai Linh Gia Lai	3.600.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***35. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ**

Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác không bao gồm 2.500.000.000 đồng (năm 2014: 8.002.690.708 đồng), là số tiền dùng để nhận chuyển nhượng vốn đầu tư tại Công ty Cổ phần Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên bằng cách cản trừ công nợ. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần phân tăng, giảm các khoản phải trả.

Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác không bao gồm 19.970.496.000 đồng (năm 2014: không phát sinh), là số tiền chuyển nhượng vốn đầu tư tại Công ty Cổ phần Mai Linh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên cho Công ty Cổ phần Việt Đăng Khoa Đà Nẵng. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần phân tăng, giảm các khoản phải thu.

Trong năm 2015, Công ty nhận lợi nhuận được chia từ các công ty con với số tiền 9.000.000.000 đồng (năm 2014: 12.900.000.000 đồng) và được cản trừ vào công nợ. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng giảm các khoản phải thu.

36. SỐ LIỆU SO SÁNH

Một số số liệu của báo cáo tài chính năm trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay, cụ thể như sau:

	Số đã báo cáo VND	Phân loại lại VND	Số sau phân loại lại VND
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	2.454.970.711	(2.454.970.711)	-
Phải thu ngắn hạn khác	32.209.020.747	846.247.079	33.055.267.826
Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	2.454.970.711	2.454.970.711
Tài sản ngắn hạn khác	846.247.079	(846.247.079)	-
Giá trị hao mòn lũy kế của tài sản cố định hữu hình	(75.191.674.896)	(2.447.707.803)	(77.639.382.699)
Chi phí phải trả ngắn hạn	3.096.457.766	(2.447.707.803)	648.749.963
Phải trả ngắn hạn khác	19.192.159.194	9.072.400.000	28.264.559.194
Phải trả dài hạn khác	26.933.232.013	(9.072.400.000)	17.860.832.013
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Doanh thu cung cấp dịch vụ	158.926.410.085	5.923.107.183	164.849.517.268
Doanh thu hoạt động tài chính	19.254.818.011	(5.923.107.183)	13.331.710.828
Thu nhập khác	4.690.536.821	2.930.262.363	1.760.274.458
Chi phí khác	3.835.718.087	2.930.262.363	905.455.724

Dương Trung Tình
Người lập biểu

Đoàn Triệu Chu Luân
Kế toán trưởng

Võ Thành Nhân
Tổng Giám đốc
Ngày 28 tháng 3 năm 2016